

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2024/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016 ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm

vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 12 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp Nhà nước và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Chủ tịch Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận tại Tờ trình số 194/TTr-CTKTTL ngày 29 tháng 3 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3913/BC-STP ngày 29 tháng 12 năm 2023 và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1524/TTr-SNV ngày 19 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

1. Sửa đổi khoản 1, Điều 7 như sau:

“Điều 7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch công ty.”

2. Bổ sung khoản 1, Điều 18 như sau:

“Điều 18. Miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

e) Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà cấp có thẩm quyền xác định là năng lực hạn chế, uy tín giảm sút;

g) Bị kỷ luật khiển trách từ hai lần trở lên trong thời gian bổ nhiệm;

h) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của Đảng;

Đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

i) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

k) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác;

l) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

m) Chịu trách nhiệm là người đứng đầu doanh nghiệp khi để đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng”.

3. Bổ sung khoản 5, Điều 20 như sau:

“5. Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

c) Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà cấp có thẩm quyền xác định là năng lực hạn chế, uy tín giảm sút;

d) Bị kỷ luật khiển trách từ hai lần trở lên trong thời gian bổ nhiệm;

e) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của Đảng;

Đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

g) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

h) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác;

i) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

k) Chịu trách nhiệm khi đề đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng”.

4. Bổ sung khoản 1, Điều 28 như sau:

“1. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

đ) Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà cấp có thẩm quyền xác định là năng lực hạn chế, uy tín giảm sút;

e) Bị kỷ luật khiển trách từ hai lần trở lên trong thời gian bổ nhiệm;

g) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của Đảng;

Đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

h) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

i) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác;

k) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ.”

5. Sửa đổi Chương VI -Tổ chức lại, chuyển đổi, giải thể, phá sản Công ty như sau:

“Chương VI SẮP XẾP LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 34. Sắp xếp lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục sắp xếp lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp; theo quy định từ Điều 13 đến Điều 20 của Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4

năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 35. Chuyển đổi sở hữu Công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty quyết định việc chuyển đổi Công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Tạm ngừng kinh doanh

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty phải được lập thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty phù hợp với Điều 206 của Luật doanh nghiệp, Điều 21 của Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, pháp luật về thành lập doanh nghiệp, pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

Điều 37. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định từ Điều 39 đến Điều 47 của Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 38. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.”

6. Sửa đổi Điều 41 như sau:

“Điều 41. Công bố thông tin

1. Chủ tịch Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công bố thông tin ra bên ngoài của Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi công bố thông tin thực hiện theo quy định từ Điều 20 đến Điều 26 của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, Chủ tịch Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.”

Điều 2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì tiếp tục thực hiện tại Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc đính chính Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận vẫn giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2024.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các thành viên Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh; Chủ tịch Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam